**PHIẾU KHẢO SÁT**

**Mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với việc cung cấp dịch vụ công, thực thi công vụ của công chức Ban Quản lý các khu công nghiệp**

 *(Kèm theo công văn số /BQLKCN-NVTH ngày tháng 10 năm 2022*

*của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Nông)*

| **Tiêu chí khảo sát** | **Mức độ hài lòng** |
| --- | --- |
| ***I. Công chức*** |
| 1. Nghiệp vụ của công chức khi tiếp xúc, hướng dẫn thủ tục hành chính và các yêu cầu có liên quan | [ ]  Nắm vững nghiệp vụ[ ]  Bình Thường[ ]  Giải quyết công việc còn lúng túngÝ kiến khác:……………………………………………………………………………………………………………………………………………… |
| 2. Tinh thần trách nhiệm của công chức khi thực thi nhiệm vụ, hướng dẫn giải quyết công việc. | [ ]  Tinh thần trách nhiệm cao[ ]  Bình thường[ ]  Thiếu trách nhiệm, còn đùn đẩy trách nhiệmÝ kiến khác:……………………………………………………………………………………………………………………………………………… |
| 3. Thái độ công chức khi tiếp xúc với Tổ chức/ cá nhân đến liên hệ giải quyết công việc. | [ ]  Vui vẻ, hòa nhã[ ]  Bình thường[ ]  Thiếu thiện cảm, khó chịuÝ kiến khác:……………………………………………………………………………………………………………………………………………… |
| 4. Việc hướng dẫn của công chức | [ ]  Tận tình, đầy đủ, chu đáo[ ]  Chưa đầy đủ[ ]  Không hướng dẫn khi liên hệ công việcÝ kiến khác:……………………………………………………………………………………………………………………………………………… |
| 5. Đeo thẻ công chức trong thực thi công vụ | [ ]  Có[ ]  Không |
| ***II. Công khai*** |
| 1. Quý cơ quan, đơn vị biết quy trình, thủ tục hành chính của Ban qua hình thức nào. | [ ]  Bản niêm yết [ ]  Trang thông tin điện tử Ban Quản lý các khu công nghiệp[ ]  Hình thức khác [ ]  Không biết |
| 2. Việc công khai thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý các khu công nghiệp và Dịch vụ hành chính công tỉnh. | [ ]  Đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu, đúng quy định[ ]  Công khai nhưng không đầy đủ nội dung [ ]  Không công khai hoặc nội dung công khai đã lạc hậuÝ kiến khác:…………………………………………………………………………………………… |
| 3. Thủ tục hồ sơ theo quy định hiện hành | [ ]  Đơn giản, dễ thực hiện[ ]  Rườm rà, cần cải tiến thêmNêu rõ nội dung cần cải tiến: ………………………………………………………………………… |
| ***III. Về thời gian giải quyết công việc*** |
| 1. Thời gian trả kết quả, giải quyết hồ sơ so với thời gian hẹn | [ ]  Trước hẹn [ ]  Đúng hẹn[ ]  Trễ hẹn, ghi rõ hồ sơ thuộc lĩnh vực: ……………………………………………………………… |
| 2. Thời gian quy định giải quyết hồ sơ theo thủ tục hiện hành | [ ]  Hợp lý [ ]  Chấp nhận được[ ]  Quá lâu, ghi rõ tên TTHC thuộc lĩnh vực: …………………………………………………………. |
| 3. Thời gian chờ để giải quyết hồ sơ | [ ]  Rất nhanh, gọn[ ]  Chấp nhận được [ ]  Chờ đợi rất lâu do đông người[ ]  Chờ đợi rất lâu do công chức xử lý chậm.Ghi rõ tên đơn vị (công chức): …………………………………………………………………….. |
| 4. Số lần đi lại để liên hệ giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, công dân từ khi nộp hồ sơ đến khi nhận kết quả (kể cả các quy trình theo dịch vụ Bưu chính công ích) | [ ]  1 lần [ ]  2 lần, lý do …………………………[ ]  3 lần, lý do ………………………… |
| ***IV. Về cơ chế giám sát, góp ý*** |
| 1. Các điều kiện để phản ánh, kiến nghị | [ ]  Có[ ]  Có nhưng chưa đầy đủ[ ]  Không có |
| 2. Việc tiếp thu ý kiến phản ánh, kiến nghị, góp ý những lần trước | [ ]  Có tiếp thu và cải thiện[ ]  Có tiếp thu nhưng cải thiện chưa tốt[ ]  Không tiếp thu |
| ***V. Mức độ hài lòng của cơ quan, tổ chức, công dân đối với việc thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp*** |
|  [ ]  Rất Hài lòng [ ]  Hài lòng; [ ]  Chưa hài lòng |
| ***IX. Ý kiến khác*** |
| …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

*Chân thành cảm ơn quý cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tham gia đánh giá, góp ý!*